

**PHỤ LỤC**  
**PHÂN CÔNG THEO DÕI, ĐƠN ĐỐC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm*  
*của Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy)*

<b>TT</b>	<b>Nội dung chỉ tiêu</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Phối hợp</b>
1	80% dân số đảm bảo điều kiện có điện thoại thông minh	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; Doanh nghiệp
2	70% hộ gia đình đảm bảo điều kiện có đường Internet cáp quang băng rộng	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; Doanh nghiệp
3	Trên 99,7% thôn/làng được phủ sóng băng rộng di động 3G, 4G	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; Doanh nghiệp
4	100% hoạt động quản lý nhà nước các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã sử dụng văn bản điện tử có chữ ký số, liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã và liên thông với Quốc gia trong các hoạt động quản lý nhà nước <i>(trừ các văn bản Mật theo quy định)</i>	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã
5	Trên 50% dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã
6	100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã
7	100% báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện trực tuyến	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã
8	Trên 50% cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục (do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành) và được kết nối, chia sẻ với Kho cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã
9	100% Hệ thống thông tin được xác định cấp độ; tối thiểu 70% triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; 100% thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ	Văn phòng HĐND-UBND huyện; Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã

<b>TT</b>	<b>Nội dung chỉ tiêu</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Phối hợp</b>
10	Từ 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Thanh tra huyện	Phòng, ban chuyên môn
11	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 1%	Cục thống kê	Phòng Tài chính - Kế hoạch; Phòng Văn hóa và Thông tin
12	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 1%	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Các phòng, ban, ngành; Doanh nghiệp
13	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 10%	Phòng Tài chính - Kế hoạch; Chi cục thuế	Các phòng, ban, ngành; Doanh nghiệp
14	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 10%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; Doanh nghiệp
15	Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 0,1%	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Các phòng, ban, ngành; Doanh nghiệp
16	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 30%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các Doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin
17	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 10%	Ngân hàng NN&PTTT; Ngân hàng CSXH, Doanh nghiệp	Các phòng, ban, ngành
18	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 10%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; Doanh nghiệp
19	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 30%	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Các phòng, ban, ngành; Các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp
20	Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 70%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các Doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin
21	Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 20%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Doanh nghiệp, UBND cấp xã

<b>TT</b>	<b>Nội dung chỉ tiêu</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Phối hợp</b>
22	Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 20%	Văn phòng HĐND&UBND huyện	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn
23	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 75%	Phòng Y tế, Trung tâm y tế	Các cơ sở y tế
24	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 20%	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông
25	Tỷ trọng thanh toán học phí không dùng tiền mặt: 30%	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở Giáo dục
26	Tỷ trọng thanh toán viện phí không dùng tiền mặt: 2%	Phòng Y tế, Trung tâm y tế	Các cơ sở Y tế